

Số: 66/2026/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 82/2026/TLST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q – Chức vụ: Trưởng phòng XLN khách hàng cá nhân 2.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Lương Hữu H – Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà T, Số B Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D1 - Sinh năm 2002; CCCD: 038202xxxxxx

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D1 là: Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm 1982; CCCD: 038182034076.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền vay nợ: Người đại diện theo uỷ quyền lại của V1 và người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D1 thống nhất: Ông Nguyễn Văn D1 còn

nợ V1 số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2026 là 308.970.145 đồng (ba trăm linh tám triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng), cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LN2403162065486 ngày 22/3/2024, giải ngân ngày 26/3/2024: Nợ gốc là 260.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 2.269.897 đồng; Lãi quá hạn là 29.435.034 đồng. Cả gốc và lãi là 291.704.931 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 379-P-2754920 ngày 27/3/2024: Nợ gốc là 13.000.000 đồng; Lãi quá hạn là 4.265.214 đồng. Cả gốc và lãi là 17.265.214 đồng.

2.2. Về trách nhiệm trả nợ: Ông Nguyễn Văn D1 phải có trách nhiệm trả cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2026 là 308.970.145 đồng (ba trăm linh tám triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng), chia làm hai kỳ trả nợ, cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Ngày 25/9/2026 thanh toán 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Kỳ 2: Ngày 25/10/2026 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại.

Kể từ ngày 22/8/2026 ông Nguyễn Văn D1 còn phải trả cho V1 tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết trên số dư nợ gốc còn lại cho tới khi tất toán xong khoản vay.

2.3. Nếu ông Nguyễn Văn D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết thì V1 có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2403152064462 ngày 21/03/2024 để thu hồi nợ cho V1 là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại: thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 361245, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00662 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/01/2009 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H1, ngày 05/02/2024 xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D1.

Tài sản này thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Văn D1. Hiện tại ông D1 đang quản lý những tài sản nêu trên. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho V1 nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông Nguyễn Văn D1, nếu thiếu ông Nguyễn Văn D1 tiếp tục phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với V1.

2.4. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn D1 phải chịu 7.724.254 đồng (bảy triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.210.000 đồng (bảy triệu, hai trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003048 ngày 17/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

2.5. Về chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang